

ô: 685 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2020
của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 66/TTr-STC ngày 12/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Quyết toán nguồn thu:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán
I	Tổng nguồn thu trong năm	19.418.032.726	16.997.308.509
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	6.302.272.126	6.302.272.126
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	5.019.987.687	5.019.155.539
3	Dự án bổ sung trong năm	6.198.328.553	4.158.677.356
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	1.897.444.360	1.517.203.488
5	Nguồn thu hợp pháp khác	0	0
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	8.229.549.644	7.883.452.779
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I) - (II)	11.188.483.082	9.113.855.730

2. Quyết toán các khoản chi:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	Tổng cộng	11.188.483.082	8.661.587.716	0
I	Chi thường xuyên	8.585.481.556	6.884.476.190	0
1	Tiền lương	2.700.000.000	2.660.137.502	
2	Tiền công	100.000.000	93.975.000	
3	Các khoản phụ cấp lương	450.000.000	442.822.685	
4	Các khoản trích nộp theo lương	1.094.000.000	1.066.943.549	
5	Chi khen thưởng	20.000.000	0	
6	Chi phúc lợi tập thể	20.000.000	0	
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	310.000.000	266.567.184	
8	Chi mua vật tư văn phòng	340.000.000	331.969.869	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	291.000.000	147.488.021	
10	Chi hội nghị	0	0	
11	Chi thanh toán công tác phí	1.030.000.000	1.006.387.700	
12	Chi phí thuê mướn	136.000.000	135.731.225	
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	0	0	
14	Chi đoàn vào	0	0	
15	Khấu hao tài sản cố định	0	0	
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	145.000.000	111.463.267	
17	Chi phí khác	1.220.481.556	620.990.188	
18	Dự phòng	729.000.000	0	
II	Chi không thường xuyên	825.600.000	0	0
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0	0	
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	385.600.000	0	
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	440.000.000	0	
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	0	0	
5	Chi khác	0	0	
III	Chi nộp trả ngân sách	1.777.401.526	1.777.111.526	0

3. Quyết toán trích lập và sử dụng các quỹ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư năm trước chuyển sang	Số trích năm 2020	Số sử dụng năm 2020	Số dư chuyển sang năm sau
A	B	1	2	3	4
Tổng số		1.911.439.406	452.268.014	1.205.633.000	1.157.874.420
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	490.170.708	113.067.004	106.394.000	496.843.712
2	Quỹ bổ sung thu nhập	1.143.736.898	248.747.010	824.506.400	567.977.508
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	277.531.800	90.454.000	274.932.600	93.053.200

Điều 2. Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm 2020 cho các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)
Tổng cộng		100	8.661.587.716
I	Các dự án do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư	92,04	7.972.322.716
1	Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa huyện Ngân Sơn sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020	6,48	516.940.836
2	Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa huyện Pác Nặm sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020	11,66	929.460.000
3	Mở rộng, nâng cấp ĐT 254, tỉnh Bắc Kạn	14,25	1.136.423.608
4	Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa huyện Bạch Thông sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020	4,04	321.770.000
5	Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa huyện Ba Bè sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020	4,92	391.919.252
6	Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa huyện Chợ Đồn sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020	4,39	349.684.418
7	Trường THPT huyện Chợ Đồn giai đoạn 2	0,10	7.938.647

8	Kè Sông Cầu đoạn qua thành phố Bắc Kạn	1,52	121.360.778
9	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp và công tác xã hội tỉnh Bắc Kạn	1,94	154.822.000
10	Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Sum Ngược, xã Văn Học, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	3,16	252.267.000
11	Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Khuổi Khe, xã Kim Lư, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	3,04	242.748.000
12	Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Bàn Cờn, xã Nông Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	2,18	173.940.000
13	Kè chống xói lở xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	9,01	718.299.852
14	Đầu tư xây dựng các Trạm Y tế xã Lương Bằng, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	3,77	300.423.763
15	Đầu tư xây dựng các Trạm Y tế xã Tân Sơn, Mai Lạp, Yên Cư, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	6,06	483.219.708
16	Đầu tư xây dựng các Trạm Y tế xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn và Trạm y tế xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	3,74	297.769.555
17	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	0,52	41.579.299
18	Di dời khẩn cấp 16 hộ dân vùng sạt lở thôn Phiêng Liêng 2, xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	0,22	17.327.000
19	Hội trường tỉnh Bắc Kạn	3,61	287.925.000
20	Nhà lớp học bộ môn trường THPT huyện Chợ Đồn	7,32	583.308.000
21	Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa huyện Na Rì sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020	4,19	334.054.000
22	Nhà lớp học bộ môn trường THPT Chợ Mới	3,88	309.142.000
II	Các dự án do Ban QLDA ĐTXD tỉnh ký HĐ tư vấn	7,96	689.265.000
1	Trụ sở viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới	8,27	57.000.000
2	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Bắc Kạn	2,38	16.436.000
3	Trung tâm huấn luyện lực lượng dự bị động viên và lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu tỉnh Bắc Kạn	55,15	380.159.314
4	Cấp nước và vệ sinh trường học năm 2017 thuộc chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" vay vốn Ngân hàng Thế giới	0,70	4.792.000
5	Xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	9,24	63.657.000
6	Cải tạo, sửa chữa khu nhà ở nội trú, nhà ăn, nhà bếp trường tiểu học Bằng Thành II, huyện Pác Nặm	1,33	9.133.000
7	Cải tạo, sửa chữa nhà ở nội trú, nhà ăn, nhà bếp trường tiểu học, trung học cơ sở Cao Thượng, huyện Ba Bể	0,64	4.423.686

8	Hỗ trợ xây dựng nhà bán trú và các công trình thiết yếu trên địa bàn huyện Na Rì giai đoạn 2016-2020	0,77	5.325.000
9	Di tích lịch sử Nhà máy in tiền Phja Tắc, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn	20,54	141.595.000
10	Dự án "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2018-2019 của tỉnh Bắc Kạn	0,98	6.744.000

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước Bắc Kạn, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP (Ô Nguyên);
- Lưu: VT, Lan.

Thuật

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Hải

Nguyễn Long Hải